

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CƠM NGON VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CƠM NGON VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110503038

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 202, Phố Thù Y, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0528456789

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm động vật hoang dã, động vật quý hiếm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>(Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br><input type="checkbox"/> Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br><input type="checkbox"/> Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br><input type="checkbox"/> Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br><input type="checkbox"/> Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br><input type="checkbox"/> Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br><input type="checkbox"/> Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br><input type="checkbox"/> Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br><input type="checkbox"/> Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br><input type="checkbox"/> Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0161     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0162     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0163     |
| 10. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0321     |
| 11. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0322     |

|     |                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại cấm)                                                                                                      | 4690        |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                     | 4711        |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                       | 4719        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4723        |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                | 5510        |
| 20. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                       | 5590        |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                         | 5610        |
| 22. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                 | 5621        |
| 23. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                     | 5629(Chính) |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ quán bar, vũ trường)                                                                                     | 5630        |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4772        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)                               | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 490.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM ĐÌNH<br>TRUNG | Số nhà 14, Ngõ<br>36 Giáp Bát,<br>Phường Giáp Bát,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 392.000       | 3.920.000.000            | 80,000       | 0020850087<br>02                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số                            | 392.000       | 3.920.000.000            | 80,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM MINH<br>HIẾU  | Số nhà 14, Ngõ<br>36 Giáp Bát,<br>Phường Giáp Bát,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 49.000        | 490.000.000              | 10,000       | 0020870022<br>81                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số                            | 49.000        | 490.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                      |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG ĐÌNH HỘI | Thôn Thắm, Xã Thượng Bằng La, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 49.000 | 490.000.000 | 10,000 | 015091017011 |
|   |                |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Tổng số                   | 49.000 | 490.000.000 | 10,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM ĐÌNH TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 002085008702

Ngày cấp: 04/02/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 14, Ngõ 36 Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 14, Ngõ 36 Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội